

Số: /HYE-QLDN1
V/v xuất hóa đơn trong
doanh nghiệp chế xuất

Hung Yên, ngày tháng năm

Kính gửi : Công ty TNHH động lực Jianghuai (Việt Nam)
Mã số thuế : 0901073370
Địa chỉ : Lô số N02, đường N1, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, xã
Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Nhận được công văn số 030426CV-JH ngày 03/4/2026 của Công ty TNHH động lực Jianghuai (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc xuất hóa đơn trong doanh nghiệp chế xuất, Thuế tỉnh Hưng Yên có ý kiến như sau:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được sửa đổi bổ sung tại điểm a Khoản 3 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ:

“Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.”.

Căn cứ Khoản 1 và điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 quy định về hóa đơn chứng từ:

“1. Hóa đơn giá trị gia tăng là hóa đơn dành cho các tổ chức khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ sử dụng cho các hoạt động:

- a) Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong nội địa;*
- b) Hoạt động vận tải quốc tế;*
- c) Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;*
- d) Xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.*
- đ) Hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam.*

2. Hóa đơn bán hàng là hóa đơn dành cho các tổ chức, cá nhân như sau:

....
b) Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ vào nội địa và khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau, xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài, trên hóa đơn ghi rõ “Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan”.

*Doanh nghiệp chế xuất có hoạt động kinh doanh khác (ngoài hoạt động chế xuất theo quy định pháp luật về khu công nghiệp, khu chế xuất) khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì sử dụng hóa đơn theo điểm a khoản này. **Doanh nghiệp chế xuất khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều này.***

Căn cứ Điều 3 Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 26/11/2024 quy định về đối tượng chịu thuế:

“Điều 3. Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 26/11/2024 về mức thuế suất:

“Điều 9. Thuế suất

1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:

a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm: hàng hóa từ Việt Nam bán cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế;

b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm: dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu;

c) Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác bao gồm: vận tải quốc tế; dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp hoặc thông qua đại lý cho vận tải quốc tế; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài và có hồ sơ, tài liệu chứng minh tiêu dùng ở ngoài Việt Nam theo quy định của Chính phủ; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc, thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa gia công chuyển tiếp để xuất khẩu theo quy định của pháp luật; hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại điểm d khoản này;

d) Các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% bao gồm: chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài; dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; dịch vụ cấp tín dụng; chuyển nhượng vốn; sản phẩm phái sinh; dịch vụ bưu chính, viễn thông; sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này; thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu; xăng, dầu mua tại nội địa bán cho cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan.”

Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 18 Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính Phủ quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

“Điều 18 Điều kiện áp dụng thuế suất 0%

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu áp dụng thuế suất 0% quy định tại Điều 17 Nghị định này (trừ một số trường hợp đặc thù quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định này) phải đáp ứng quy định sau:

1. Đối với hàng hóa xuất khẩu, phải có:

a) Hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu (đối với trường hợp bán, gia công); hợp đồng ủy thác xuất khẩu (đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu).

b) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa xuất khẩu.

c) Tờ khai hải quan theo quy định.”

2. Đối với dịch vụ xuất khẩu, trừ quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này, phải có:

a) Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan.

b) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ xuất khẩu.”

Căn cứ các quy định trên, Thuế tỉnh Hưng Yên hướng dẫn như sau:

1. Theo nội dung công văn Công ty TNHH động lực Jianghuai (Việt Nam) là doanh nghiệp chế xuất, ký kết hợp đồng gia công với doanh nghiệp FDI nội địa. Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ, khi Công ty bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì Công ty phải lập hóa đơn để giao cho người mua. Trường hợp ngành nghề kinh doanh thực tế chưa có trong đăng ký kinh doanh, đề nghị đơn vị liên hệ tới Cơ quan đăng ký kinh doanh để được hướng dẫn đăng ký bổ sung/thay đổi theo quy định.

2. Công ty TNHH động lực Jianghuai (Việt Nam) là doanh nghiệp chế xuất, đã đăng ký kê khai theo phương pháp khấu trừ tại Thuế tỉnh Hưng Yên. Khi đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ vào nội địa phải sử dụng hóa đơn GTGT theo quy định tại Khoản 1 và điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế giá trị gia tăng: Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế hàng hóa, dịch vụ bán ra tại đơn vị mình, đối chiếu với quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng và Điều 17 Nghị định 181/2025/NĐ-CP, nếu đáp ứng điều kiện tại Điều 18 Nghị định 181/2025/NĐ-CP thì hàng hóa, dịch vụ bán ra được áp dụng thuế suất 0%.

Thuế tỉnh Hưng Yên trả lời đề Công ty TNHH động lực Jianghuai (Việt Nam) được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh Hưng Yên;
- Phòng KTr1;
- Phòng NVDTPC;
- Website Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, QLDN1^{Hồng}.

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**

Bùi Công Minh